

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Bà Phạm Quế Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Trúc L**, sinh năm 1985. (*Có mặt*)

Đăng ký thường trú: Khu vực P, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Thới Lộc, xã X, huyện T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Anh **Bùi Hữu T**, sinh năm 1985. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Khu vực P, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2020 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc L trình bày: Vào năm 2012, chị và anh Bùi Hữu T sau thời gian quen biết tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và

có đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2012 tại Ủy ban nhân dân phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, trong thời gian chung sống vợ chồng hay phát sinh mâu thuẫn có cự cãi nhau do anh T hay uống rượu, không quan tâm gia đình, chị cố khuyên ngăn nhưng đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên vẫn thường xuyên cự cãi nhau, anh T vẫn hay uống rượu, không quan tâm gia đình nên cuộc sống không hạnh phúc. Chị đã cố duy trì hôn nhân nhưng anh T không sửa đổi nên chị và con đã về nhà cha mẹ ruột sống, anh chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có một con tên Bùi Hữu T (nam), sinh ngày 03/7/2013. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hữu T đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 01/9/2020 và quá trình giải quyết, bị đơn anh Bùi Hữu T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Trúc L do quen biết nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường L. Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về quá trình hôn nhân. Quá trình chung sống, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, do anh đi làm phụ hồ nên cũng có uống rượu với bạn làm chung, chị L không đồng ý nên vợ chồng có cự cãi nhau. Sau đó, chị L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống nên anh chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Nay anh còn thương vợ thương con nên anh xin đoàn tụ để vợ chồng hàn gắn tình cảm, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con tên Bùi Hữu T (nam), sinh ngày 03/7/2013. Hiện cháu Hữu T đang sống với chị Ly, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý giao cháu Hữu T cho chị L nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn anh Bùi Hữu T để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh T vắng mặt nhiều lần không lý do.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Bùi Hữu T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị L khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tuy nhiên, anh T vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2012, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T hay uống rượu, không quan tâm gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm rạn nứt tình cảm. Chị đã khuyên ngăn hàn gắn nhiều lần nhưng anh T không sửa đổi nên chị và con đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Anh chị đã ly thân từ đó đến nay, trong thời gian ly thân, chị và anh Q không còn quan tâm gì đến nhau. Do thời gian ly thân đã lâu, chị đã không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về phía anh T, mặc dù vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T thống nhất với lời trình bày của chị L về quá trình hôn nhân. Anh cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bất hòa về tình

cảm và kinh tế gia đình, anh đi làm cũng có uống rượu nên vợ chồng có cự cãi nhau. Sau đó, chị L đã về nhà cha mẹ ruột sống nên anh chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay nhưng anh còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T là do bất đồng quan điểm sống, anh T hay uống rượu, không quan tâm gia đình, vợ chồng bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình dẫn đến mất hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm ai.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T cho rằng còn thương vợ thương con nên anh không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm gia đình. Chị L cho rằng không còn tình cảm với anh T nên cương quyết xin ly hôn. Tòa án đã thực hiện việc triệu tập anh Tuấn đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt nhiều lần không lý do. Điều đó cho thấy anh T đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có một con tên Bùi Hữu T (nam), sinh ngày 03/7/2013.

Hiện cháu T đang sống với chị L, khi ly hôn chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến trưởng thành. Quá trình giải quyết, trường hợp ly hôn, anh T đồng ý giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời cháu Hữu T cũng có nguyện vọng được tiếp tục sinh sống với chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị L đang nuôi dưỡng cháu T, chị L có đảm bảo cho cháu điều kiện về sinh hoạt và học tập cũng như đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của trẻ nên cần ổn định cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Mặc dù anh T không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho anh T quyền được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh T đều thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa vắng mặt anh T nên tách phần tài sản chung ra giải quyết thành vụ kiện khác khi có phát sinh tranh chấp và các bên đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Bùi Hữu T.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Hữu T (nam), sinh ngày 03/7/2013 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 011132 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô sang thành tiền án phí (công nhận chị L đã nộp xong).

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND phường L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thúy Hằng